

Số: /TTr- UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP;
- Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 50/2024/TT-BTC.

2. Cơ sở thực tiễn

Đối tượng an sinh xã hội là những đối tượng đặc thù bao gồm người có công với đất nước, đối tượng yếu thế trong xã hội như người già, người khuyết tật, sức khỏe yếu, có khó khăn về nhận thức. Chính vì vậy, Nhà nước cần quan tâm và có cơ chế hỗ trợ tối đa để đảm bảo tâm lý cũng như đời sống của đối tượng. Việc ban hành các cơ chế chính sách an sinh xã hội xuyên suốt từ Trung ương tới địa phương luôn được xem là nhiệm vụ trọng tâm và ưu tiên triển khai nhằm đảm bảo mục tiêu nâng cao chất lượng an sinh xã hội của người dân.

Ngày 06/11/2022, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Việc triển khai nhiệm vụ thuộc phạm vi quy định của Đề án 06 về thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó có chi trả chế độ an sinh xã hội không dùng tiền mặt đã được cụ thể hóa bằng Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội

không dùng tiền mặt. Theo đó, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai đến các sở, ngành, UBND các xã, phường về việc thực hiện, đẩy mạnh chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 09/TB-VP ngày 05/01/2024 và Thông báo số 39/TB-VP ngày 20/01/2024 về việc triển khai phương án chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố Hà Nội; Sở Lao động Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) đã tham mưu tổ chức triển khai đợt cao điểm hỗ trợ mở tài khoản và đăng ký nhận trợ cấp qua tài khoản được sự đồng thuận cao của các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố; đồng thời UBND Thành phố đã có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố (khoảng 58 ngân hàng) hỗ trợ miễn phí phí thanh toán qua ngân hàng cho các đối tượng an sinh xã hội của Thành phố đến hết tháng 6/2025. Do thực hiện sắp tổ chức bộ máy nên Thành phố chưa ban hành Nghị quyết, do đó UBND Thành phố tiếp tục có văn bản yêu cầu các Ngân hàng gia hạn hỗ trợ đến 31/12/2025.

Công tác chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt tại Thành phố đến nay cơ bản đã hoàn thành (từ 0,024% năm 2022 tăng lên 94,4% năm 2024). Việc chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực như: các đối tượng được nhận chính sách kịp thời, công khai minh bạch, tiết kiệm chi phí đi lại cho người dân và cơ quan, đơn vị thực hiện chi trả.

Đến 31/12/2025 là kết thúc thời gian hỗ trợ miễn phí chi trả của hệ thống Ngân hàng thương mại. Để đảm bảo công tác chi trả an sinh xã hội được thực hiện liên tục, không gián đoạn, đảm bảo quyền lợi của đối tượng hưởng an sinh xã hội, việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm mục đích đảm bảo thực hiện theo đúng chủ trương của Chính phủ tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt; phù hợp với thực tiễn chi trả an sinh xã hội hiện nay trên địa bàn Thành phố cũng như góp phần đảm bảo nhu cầu đời sống của đối tượng an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Một là, quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội thể hiện được sự quan tâm của cấp chính quyền đối với đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn quản lý; phù hợp quan điểm, đường lối, chủ trương và các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hai là, đảm bảo hiệu quả triển khai Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt; bám sát theo đúng thực tiễn và phù hợp với nhu cầu đề

xuất của các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện chi trả an sinh xã hội.

Ba là, đảm bảo đúng quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại văn bản số 2653/VP-NC ngày 10/3/2025 về việc hoàn thiện phương án thí điểm chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Y tế *(đơn vị thực hiện chức năng tham mưu giúp UBND Thành phố trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực Bảo trợ xã hội)* và các đơn vị có liên quan rà soát dự thảo, hoàn thiện Đề án; báo cáo UBND Thành phố, Ban chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 theo quy định. Đến ngày 14/8/2025, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4235/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND Thành phố phê duyệt Đề án “Phương án thí điểm chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

2. Ngày 07/5/2025, UBND Thành phố ban hành văn bản số 6222/VP-NC về việc điều chỉnh nội dung và thời gian trình Nghị quyết quy định phương án thí điểm an sinh xã hội và mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố, trong đó thống nhất với đề nghị của Sở Nội vụ về việc điều chỉnh các nội dung sau: (1) Tên nội dung công việc: Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; (2) Thời gian hoàn thành: tháng 11/2025; (3) Cấp ban hành: HĐND Thành phố (thông qua tại kỳ họp cuối năm 2025).

3. Tiếp thu ý kiến của HĐND Thành phố, các Ban HĐND Thành phố và yêu cầu thực tiễn hiện nay, UBND Thành phố đã chỉ đạo giao Sở Nội vụ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ trình Nghị quyết và thực hiện quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

(1) Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và đăng tải hồ sơ Nghị quyết lên Cổng thông tin Thành phố; đồng thời lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố (2 lần);

(2) Tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị nêu trên, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định;

(3) Tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết báo cáo tập thể UBND Thành phố; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND Thành phố; báo cáo xin ý kiến Thường trực Thành ủy; Ban Thường vụ Thành ủy;

4. Tiếp thu ý kiến của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, hoàn thiện hồ sơ trình HĐND Thành phố.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội cho các đối tượng hưởng an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị thực hiện chi trả an sinh xã hội thuộc UBND thành phố Hà Nội.

b) Đối tượng an sinh xã hội đang được hưởng chế độ trợ cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm:

- Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chế độ, chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Đối tượng an sinh xã hội đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội.

2. Bộ cục của dự thảo văn bản

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

3.1. Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng an sinh xã hội nhận trợ cấp qua tài khoản

a) Cơ sở đề xuất

- Đối với đối tượng hưởng bảo trợ xã hội:

Theo quy định tại khoản 2 điều 1 - Thông tư số 50/2024/TT - BTC ngày 17/7/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, trong đó quy định:

“b) Chi phí vận chuyển tiền mặt, chi phí chuyển tiền cho người thụ hưởng chính sách, hỗ trợ chi phí làm thẻ ATM cho người thụ hưởng có yêu cầu thanh toán qua ngân hàng... Mức chi thanh toán theo thực tế trên cơ sở hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và quy định của pháp luật về đầu thầu.

Các nội dung chi được quy định của pháp luật là phí chuyển tiền cho người thụ hưởng chính sách, chi phí làm thẻ ATM cho người thụ hưởng có yêu cầu thanh toán qua ngân hàng áp dụng đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Các loại chi phí phát sinh khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt tại cây ATM) hiện tại chưa có quy định cụ thể của Trung ương đối với việc chi trả trợ cấp hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội.

- Đối với đối tượng an sinh xã hội đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội, Thành phố chưa ban hành quy định cụ thể hỗ trợ đối với các nội dung chi liên quan đến các chi phí phát sinh trong quá trình chi trả không dùng tiền mặt.

Trên cơ sở quy định đã có, cùng với việc yêu cầu đồng bộ trong công tác chi trả trợ cấp an sinh xã hội của các đối tượng nêu trên, việc xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ các loại chi phí phát sinh cho đối tượng an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết.

b) Đề xuất các loại phí hỗ trợ

Từ các quy định trên và tình hình thực tiễn, UBND Thành phố xác định các loại phí hỗ trợ, gồm:

- Phí chi hộ tại quầy phải trả NAPAS đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống (phí chuyển tiền cho người thụ hưởng chính sách);
- Phí rút tiền mặt từ cây ATM đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống;
- Phí thường niên;
- Phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa (Phí làm thẻ ATM).

3.2. Hình thức hỗ trợ: Chi phí hỗ trợ chuyển trực tiếp vào tài khoản cá nhân của đối tượng theo kỳ chi trả trợ cấp. Riêng chi phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa được hỗ trợ duy nhất 01 lần khi phát hành thẻ.

3.3. Mức hỗ trợ:

a) Cơ sở đề xuất:

Mức phí hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị dịch vụ chi trả trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

**** Đề xuất của Bưu điện thành phố Hà Nội***

Phương án và mức phí đề xuất của Bưu điện thành phố Hà Nội theo văn bản số 527/BĐHN-DVVH ngày 6/4/2024 của Bưu điện thành phố Hà Nội về việc xây dựng phương án chi trả An sinh xã hội trên địa bàn Hà Nội.

STT	Khoản mục phí dịch vụ	Mức phí đề xuất
1	Mức phí chi trả qua tài khoản	55.536 đồng/năm
2	Mức phí chi trả bằng tiền mặt tại địa điểm tập trung	167.028 đồng/năm
3	Mức phí chi trả bằng tiền mặt tại nhà	312.000 đồng/năm

Trong đó cụ thể như sau:

(1) Đối tượng đã có tài khoản và nhận chi trả qua tài khoản:

- Kết cấu chi phí đề xuất bao gồm:

+ Phí chuyển khoản hàng tháng: **4.400 đồng/giao dịch** căn cứ theo phí thu của Ngân hàng (áp dụng đối với điều kiện đối tượng thực hiện mở tài khoản tại 04 ngân hàng kết nối với hệ thống của Bưu điện).

+ Chi thù lao đội ngũ quản lý, phụ trợ: 10% thù lao đội ngũ chi trả.

+ Phí bảo quản, lưu trữ chứng từ.

- Mức phí đề xuất:

+ Tính theo tỷ lệ % phí chi trả/tổng số tiền chi: 0,38 %.

+ Tính theo phí hoa hồng chi trả bình quân/giao dịch: **4.628 đồng /giao dịch** (tương ứng **55.536 đồng/năm**)

(2) Đối tượng chưa có tài khoản nhận tiền trợ cấp tại địa điểm tập trung:

- Hệ thống ngân hàng không thực hiện nội dung này.

- Kết cấu chi phí đề xuất bao gồm:

+ Chi phí nhân công;

+ Chi phí vận chuyển;

+ Chi thường xuyên truyền, nguyên vật liệu, văn phòng phẩm

+ Phí dịch vụ ngân hàng: gồm phí rút tiền mặt và phí gửi tiền qua đêm.

- Mức phí đề xuất:

+ Tính theo tỷ lệ % phí chi trả/ tổng số tiền chi là 1,47 %

+ Tính theo phí hoa hồng chi trả bình quân/giao dịch: **13.919 đồng/giao dịch** (tương ứng **167.028 đồng/năm**).

(3) Đối tượng bất khả kháng chi trả tại nhà:

Bưu điện Hà Nội đề xuất mức phí **26.000 đồng/giao dịch** (tương ứng **312.000 đồng/năm**) theo giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ BCCI.

Tuy nhiên, phương án của Bưu điện Hà Nội đề xuất chỉ trên cơ sở Hệ thống các ngân hàng chi trả qua tài khoản liên kết với Bưu điện thành phố Hà Nội bao gồm 4 ngân hàng, chưa đảm bảo hệ thống liên kết với toàn bộ hệ thống các ngân hàng đối tượng đã mở tài khoản.

*** Đề xuất của các Ngân hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Tổng hợp biểu phí đề xuất của các ngân hàng trên địa bàn Thành phố trên cơ sở đề xuất tại các văn bản sau:

- Văn bản số 1045/HAN-TTGS2 ngày 25/4/2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Hà Nội đính kèm Văn bản số 5013/NHNo –KHCN của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về việc triển khai chi trả cho đối tượng ASXH không dùng tiền mặt.

- Văn bản số 2867/HAN-TTGS2 ngày 02/10/2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Hà Nội đính kèm Văn bản số 11946/NHNo-TCKT ngày 29/8/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc xây dựng biểu phí chi trả ASXH, văn bản số 18905/BIDV-KHBL ngày 25/09/2024 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; văn bản số 8387/TGĐ-NHCT-BL2+TTT+BL4+KHDN4.2 ngày 30/09/2024 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; văn bản số 17215/VCB-PTSPBL ngày 24/9/2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

- Các mức phí đề xuất chi tiết theo Phụ lục số 01, 02, 03, 04 đính kèm.

b) Đề xuất mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021;

Trên cơ sở thống kê, tổng hợp và phân tích chọn giá thấp nhất đối với biểu phí đề xuất của các Ngân hàng thương mại, UBND Thành phố dự kiến đề xuất mức hỗ trợ phục vụ chi trả chế độ an sinh xã hội qua tài khoản như sau:

STT	Khoản mục phí dịch vụ	Mức chi phí đề xuất
I	Đối tượng bảo trợ xã hội	
1	Phí rút tiền mặt từ cây ATM đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống	39.600 đồng/người/năm
2	Phí thường niên	13.200 đồng/người/năm
II	Đối tượng an sinh xã hội đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội	
1	Phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa (Phí làm thẻ ATM)	35.000 đồng/người
2	Phí chi hộ tại quầy phải trả NAPAS đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống (Phí chuyển tiền cho người thụ hưởng chính sách)	đồng/người/năm
3	Phí rút tiền mặt từ cây ATM đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống	39.600 đồng/người/năm
4	Phí thường niên	13.200 đồng/người/năm

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN BAN HÀNH

1. Dự kiến kinh phí

Hiện nay, số lượng người hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội đang đăng ký chi trả qua tài khoản có khoảng 277.239 người, trong đó: (1) 194.033 người là đối tượng bảo trợ xã hội; (2) 83.206 người là đối tượng an sinh xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo chính sách đặc thù của Thành phố (73.011 người có công đang hưởng theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025, 10.195 đối tượng hưởng chính sách đặc thù trợ giúp xã hội theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 8/12/2021).

Theo mức phí hỗ trợ nêu trên, kinh phí dự kiến thực hiện chính sách hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội sau khi Nghị quyết ban hành là 18.900.000.000 đồng (*Mười tám tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*).

2. Nguồn kinh phí

Theo quy định tại khoản 1, Điều 2 - Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội: “1. Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên... và kinh phí thực hiện chi trả chính sách của các cơ quan đơn vị thuộc cấp nào thì do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

Như vậy, nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ là từ Ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp.

3. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

Ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp, đáp ứng đủ kinh phí để thực hiện Nghị quyết và triển khai, thực hiện ngay sau khi Nghị quyết được ban hành và không phát sinh thủ tục hành chính.

4. Thời gian thực hiện

Nghị quyết áp dụng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội. UBND Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua./.

Hồ sơ kèm theo:

- *Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

- *Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội và tác động của chính sách đặc thù quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

- *Bản thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

- *Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (2 lần).*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXXH, KTNS, PC HĐND TP;
- Các Sở: NV, YT, TC, TP;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- các phòng: NC, KT, KGVX, HCQT;
- Lưu: VT, NC Ngân.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn

PHỤ LỤC 01***Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam***

STT	Khoản mục phí dịch vụ	Biểu phí khách hàng chung	Biểu phí khách hàng ASXH /năm
1	Mở tài khoản thanh toán	Không thu phí Số dư tối thiểu 50.000 VNĐ	Không thu phí; Không yêu cầu số dư tối thiểu
2	Phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn	55.000 VNĐ/lần	Miễn phí
3	Quản lý tài khoản (5.500 đ/tháng)	66.000 VNĐ/năm	Miễn phí
4	Phí thường niên thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn	13.200 VNĐ/ năm	13.200 VNĐ/năm
5	Phí rút tiền mặt tại quầy (tại chi nhánh nơi khách hàng mở tài khoản)	Không thu phí	Không thu phí
6	Phí chuyển khoản tại quầy	Biểu phí hiện hành	Biểu phí hiện hành
	<i>Phí chuyển khoản cùng hệ thống giữa các chi nhánh thuộc quận nội thành</i>	<i>Miễn phí</i>	<i>Miễn phí</i>
	<i>Phí chuyển khoản cùng hệ thống (áp dụng đối với chuyển khoản giữa các chi nhánh thuộc quận nội thành với các chi nhánh thuộc quận ngoại thành Hà Nội, TP Hồ Chí Minh)</i>	<i>132.000 VNĐ/năm</i>	<i>132.000 VNĐ/năm</i>
	<i>Phí chuyển khoản khác hệ thống (áp dụng đối với các chi nhánh thuộc quận nội thành TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh)</i>	<i>132.000 VNĐ/năm</i>	<i>Theo thỏa thuận hoặc 132.000 VNĐ/năm</i>
	<i>Phí chuyển khoản khác hệ thống (áp dụng đối với các chi nhánh khác)</i>	<i>264.000 VNĐ/năm</i>	<i>Theo thỏa thuận hoặc 264.000 VNĐ/năm</i>
7	Rút tiền mặt từ ATM cùng hệ thống (1.100 VNĐ/lần, giả thiết trong 12 tháng, mỗi tháng khách hàng rút 01 lần)	13.200 VNĐ/năm	13.200 VNĐ/năm
8	Rút tiền mặt từ ATM khác hệ thống (3.300 VNĐ/lần, giả thiết trong 12 tháng, mỗi tháng khách hàng rút 01 lần)	39.600 VNĐ/năm	39.600 VNĐ/năm

PHỤ LỤC 02
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

STT	Khoản mục phí dịch vụ	Biểu phí khách hàng chung	Biểu phí khách hàng ASXH /năm
1	Phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn	50.000 đồng/thẻ	35.000 VNĐ/thẻ
2	Phí thường niên thẻ ghi nợ nội địa	66.000 đồng/năm	Miễn phí
2	Rút tiền mặt từ ATM cùng hệ thống	13.200 VNĐ/năm	Miễn phí
3	Rút tiền mặt từ ATM khác hệ thống	39.600 VNĐ/năm	39.600 VNĐ/năm
4	Phí chi hộ tại quầy phải trả NAPAS đối với ngân hàng khác hệ thống	26.400 VNĐ/năm	26.400 VNĐ/năm

PHỤ LỤC 03
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

STT	Khoản mục phí dịch vụ	Biểu phí khách hàng chung	Biểu phí khách hàng ASXH /năm
1	Phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn	50.000 VNĐ/lần	Miễn phí (áp dụng đến 31/12/2025)
2	Phí quản lý tài khoản (2.200 đ/tháng)	26.400 VNĐ/năm	Miễn phí (12 tháng)
3	Phí chuyển khoản		
	<i>Phí chuyển khoản cùng hệ thống (4.400 đ/lần)</i>	52.800 VNĐ/năm	<i>Miễn phí (áp dụng đến 31/12/2025)</i>
	<i>Phí chuyển khoản khác hệ thống (22.000 đ/lần)</i>	264.000 VNĐ/năm	<i>Áp dụng mức ưu đãi theo thỏa thuận của chi nhánh</i>
4	Rút tiền mặt từ ATM cùng hệ thống (1.100 VNĐ/lần, giả thiết trong 12 tháng, mỗi tháng khách hàng rút 01 lần)	13.200 VNĐ/năm	Miễn phí

PHỤ LỤC 04
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam

STT	Khoản mục phí dịch vụ	Biểu phí khách hàng chung	Biểu phí khách hàng ASXH /năm
1	Phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn	55.000 đồng/thẻ	Miễn phí
2	Phí quản lý tài khoản	KKH BQ tháng <2 trđ: 5.500đ KKH BQ tháng từ 2trđ đến <10 trđ: 3.300 đ KKH BQ tháng >=10trđ: Miễn phí	Miễn phí trong 3 năm đầu
3	Phí thường niên thẻ ghi nợ nội địa	66.000 đồng/năm	Miễn phí 01 năm đầu
4	Rút tiền mặt từ ATM cùng hệ thống (1.100 VNĐ/lần, giả thiết trong 12 tháng, mỗi tháng khách hàng rút 01 lần)	13.200 VNĐ/Năm	Miễn phí 01 năm đầu
5	Rút tiền mặt từ ATM khác hệ thống	39.600 VNĐ/năm	Đề xuất Trao đổi thống nhất mức hỗ trợ từ NAPAS